

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 35/2023/HS-PT
Ngày 25 - 4 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Cận

Bà Lê Thị Bích Ngọc

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Quang Đại - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Mậu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2023/HS-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Khổng Văn M, sinh ngày 04/3/1989 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn T (đã chết) và bà Phùng Thị N; có vợ là Nguyễn Thị T (đã ly hôn) và có 03 con: Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 72/2007/HSST ngày 21/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*” và 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*”, ngày 27/12/2009 đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định của bản án; tại Bản án số 65/2013/HSST ngày 22/7/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 14/5/2014 đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định của bản án; bị tạm giữ từ ngày 17 đến ngày 21/6/2022 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

2. Nguyễn Phương L, sinh ngày 29/8/1981 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ

văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị Đ và có 02 con: Lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 đến ngày 21/6/2022 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

3. Nguyễn Duy T, sinh ngày 25/5/1980 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Khổng Thị G và có 02 con: Lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt số 27 ngày 14/02/1998, bị Công an huyện L xử phạt số tiền 50.000đồng về hành vi Đánh bạc, ngày 02/5/1998 đã chấp hành xong và tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51/QĐ/XPHC ngày 22/5/2020, bị Công an huyện L xử phạt số tiền 1.500.000đồng về hành vi Đánh bạc, ngày 26/5/2020 đã chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 17 đến ngày 21/6/2022 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

4. Nguyễn Hải T, sinh ngày 04/02/1989 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T; có vợ là Phùng Thị T (đã ly hôn) và có 02 con: Lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 đến ngày 21/6/2022 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

5. Khổng Văn V, sinh ngày 03/6/1988 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 03/10/2022 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L đã có Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Khổng Thị H và có 02 con: Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 đến ngày 21/6/2022 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 17/6/2022, Nguyễn Văn Đ đang ngồi uống nước tại quán ven đường ở ngã 3 X cùng Nguyễn Hải T, thì có Nguyễn Phương L, Nguyễn Duy T, Khổng Văn M, Khổng Văn V đến và uống nước cùng nhau. Ngồi chơi uống nước được khoảng 30 phút thì D hỏi và được mọi người đồng ý và thống nhất đánh bạc thắng thua bằng tiền. Sau đó, D, T, M, V, L, T cùng nhau đi trên 03 xe máy đến nhà ông Trần Quý C ở thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, trên đường đi D mua 01 bộ bài Tú-lơ-khơ ở quán tạp hóa ven đường để đánh bạc. Đến khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, khi đến nhà ông C thấy không có ai ở nhà, cửa, cổng không khóa nên tất cả cùng đi vào gian bếp nhà ông C, D lấy 01 chiếc chiếu cũ ở gần đó trải ra nền rồi tất cả ngồi quây tròn trên chiếu để đánh bạc. Đề cầm bài lọc ra 36 quân bài từ A (Át) đến 9 và tất cả cùng thỏa thuận đánh bạc bằng hình thức “đánh 3 cây” ăn tiền, đặt cửa thấp nhất 100.000 đồng, cao nhất không giới hạn, người chơi có thể tổ riêng với nhau tùy ý, người cầm chương sẽ chia cho mỗi người 03 quân bài để cộng số trên lá bài lại tính điểm, người chơi sẽ tính điểm, so bài với người cầm chương, 10 điểm là cao nhất, nếu cùng điểm thì so chất quân bài theo thứ tự rô, cơ, tép, bích và so quân bài, quân bài cao nhất là A giảm dần đến thấp nhất là 2. Người chơi mà thắng thì người cầm chương phải trả tiền bằng tiền đặt cửa cho người thắng, thua thì mất tiền đặt cửa với người cầm chương, cụ thể: Nếu được 10 điểm thì nhân 02 lần tiền đặt cửa, 03 quân bài giống nhau thì nhân 03 lần tiền đặt cửa, 03 quân bài liên tiếp cùng chất thì nhân 04 lần tiền đặt cửa, còn lại so điểm. Người chơi được 10 điểm mà thắng thì được cầm chương ván tiếp theo, quá trình đánh bạc không ai phải trả tiền hồ cho ai.

Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, khi D, T, M, V, L, T đang đánh bạc thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ vật chứng liên quan: Thu trên chiếu bạc số tiền các đối tượng đang đánh bạc là 134.000.000 đồng, 36 quân bài từ A đến 9 và một số đồ vật, tài sản khác, thu trong túi quần sau của L số tiền 30.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm xác định: D có 13.000.000 đồng, M có 40.000.000 đồng, T có 30.000.000 đồng, T có 21.000.000 đồng, V có 15.000.000 đồng dùng đánh bạc. L chỉ thừa nhận có 15.000.000 đồng để ra đánh bạc, còn số tiền 30.500.000 đồng để trong túi quần không dùng đánh bạc mà khai dùng để trả tiền cám nuôi lợn. Tuy nhiên, khi D rủ đánh bạc thì trong túi quần L có 45.500.000 đồng nên đã đồng ý tham gia đánh bạc, mức độ sát phạt mỗi ván cao và không giới hạn mức đánh cao nhất, các đối tượng vẫn đang tiếp tục đánh bạc thì bị bắt quả tang. Do đó, có đủ căn cứ xác định số tiền 30.500.000 đồng L đút trong túi quần dùng để đánh bạc nên số tiền L sử dụng đánh bạc là 45.500.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng dùng đánh bạc là 164.500.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2023/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Khổng Văn M, Nguyễn Duy T, Nguyễn Phương L, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương L 03 (Ba) năm 02 (Hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 21/6/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Khổng Văn M 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 21/6/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 03 (Ba) năm 01 (Một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 21/6/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 21/6/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Khổng Văn V 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 21/6/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo khác; phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/01/2023 các bị cáo Khổng Văn M, Nguyễn Phương L, Nguyễn Duy T, Nguyễn Hải T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo; các bị cáo Nguyễn Hải T và Khổng Văn V xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Phương L vì tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lâm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và gia đình bị cáo đã

tự nguyện hiến đất làm đường giao thông nông thôn; bị cáo đã có công trong việc giúp người đang trong tình trạng nguy hiểm tính mạng. Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hải T và Khổng Văn V vì bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, năm 2022 là hộ nghèo; gia đình bị cáo có ông nội, bác ruột và bố đẻ đã có thời gian tham gia kháng chiến và đều được nhận chế độ trợ cấp. Bị cáo V đã có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến và được Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc tặng Giấy khen; ngày 23/02/2023 đã tự nguyện đóng góp, ủng hộ vào Quỹ nhân đạo của huyện L số tiền 5.000.000đồng; đã tự nguyện nộp xong tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Khổng Văn M và Nguyễn Duy T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phương L, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Khổng Văn M và Nguyễn Duy T; giảm hình phạt cho Nguyễn Phương L 02 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo; sửa biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hải T và Khổng Văn V, cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với mỗi bị cáo là 05 năm. Buộc bị cáo M và T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Khổng Văn M, Nguyễn Phương L, Nguyễn Duy T, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Khổng Văn M, Nguyễn Phương L, Nguyễn Duy T, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo khác trong

vụ án, lời khai của người làm chứng; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 09 giờ 45 phút đến 10 giờ 50 phút ngày 17/6/2022, tại gian bếp nhà ông Trần Quý C ở thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Phương L, Khổng Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duy T, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V đã cùng nhau đánh bạc ăn tiền trái phép bằng hình thức “đánh 3 cây” thì bị Công an huyện L bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 164.500.000 đồng, trong đó D có 13.000.000 đồng, M có 40.000.000 đồng, T có 30.000.000 đồng, Th có 21.000.000 đồng, V có 15.000.000 đồng, L có 45.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo M, L, T, D, Th và V về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Đây cũng là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là nhằm sát phạt lẫn nhau. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, căn cứ vai trò vị trí, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo trong vụ án để xử phạt bị cáo Khổng Văn M 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù; bị cáo Nguyễn Phương L 03 (Ba) năm 02 (Hai) tháng tù; bị cáo Nguyễn Duy T 03 (Ba) năm 01 (Một) tháng tù; bị cáo Nguyễn Hải T 03 (Ba) năm tù; bị cáo Khổng Văn V 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi do các bị cáo thực hiện.

[4.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Khổng Văn M và Nguyễn Duy T:

Cả 2 bị cáo đều tích cực tham gia đánh bạc trái phép cùng các bị cáo khác với số tiền tham gia đánh bạc lớn, bị cáo M sử dụng 40.000.000 đồng (nhiều thứ 2/6 bị cáo), bị cáo T sử dụng 30.000.000 đồng (nhiều thứ 3/6 bị cáo). Cả 2 bị cáo đều có nhân thân không tốt, bị cáo M từng bị kết án về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”, tội “Hủy hoại tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo T đã từng bị Công an huyện L xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” vào năm 1998 và năm 2020 nhưng cả 2 bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo không được Hội

đồng xét xử chấp nhận, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4.2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Phương L; kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Hải T và Khổng Văn V:

Các bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm, không có tổ chức. Mặc dù bị cáo L tại phiên tòa sơ thẩm chưa thực sự thành khẩn khai báo và có số tiền tham gia đánh bạc nhiều nhất 45.500.000 đồng; bị cáo Th sử dụng 21.000.000 đồng (thứ 4/6 bị cáo) và bị cáo V sử dụng 15.000.000 đồng (thứ 5/6 bị cáo) nhưng tại phiên tòa phúc thẩm cả 3 bị cáo L, Th và V đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; số tiền các bị cáo sử dụng tham gia đánh bạc đều dưới 50.000.000 đồng. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bản án sơ thẩm đã nêu đối với các bị cáo thì bị cáo Th còn có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo, đó là: Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, năm 2022 gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo; bị cáo đã ủng hộ thực phẩm (180kg gạo nếp, 18 can dầu 5 lít) trị giá 10.000.000 đồng cho làng trẻ em SOS Việt Trì ngày 15/5/2022. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L, Th và V cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới về việc bị cáo L có hoàn cảnh gia đình khó khăn và gia đình bị cáo đã tự nguyện hiến đất làm đường giao thông nông thôn (có xác nhận của chính quyền địa phương); bị cáo đã có công trong việc giúp người đang trong tình trạng nguy hiểm tính mạng (có xác nhận của Trưởng trạm Y tế X). Bị cáo Th cung cấp tài liệu về việc gia đình bị cáo có ông nội, bác ruột và bố đẻ đã có thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, tham gia Dân công Hoả tuyến và đều được nhận chế độ trợ cấp. Bị cáo V cung cấp tài liệu về việc đã có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến và được Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc tặng Giấy khen; ngày 23/02/2023 đã tự nguyện đóng góp, ủng hộ vào Quỹ nhân đạo của huyện L số tiền 5.000.000 đồng và được Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện L gửi Thư cảm ơn; đã tự nguyện nộp xong tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Đây cũng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng. Xét thấy, trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm, đáng được khoan hồng, đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo L, Th và V phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề

ngợi chấp nhận kháng cáo của các bị cáo L, Th và V, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Phương L, giữ nguyên hình phạt tù và cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo Th, V cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Khổng Văn M và Nguyễn Duy T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm; yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương L, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Khổng Văn M, Nguyễn Duy T, Nguyễn Phương L, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V phạm tội “Đánh bạc”

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Khổng Văn M và Nguyễn Duy T, giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án số 01/2023/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đối với các bị cáo Khổng Văn M và Nguyễn Duy T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Khổng Văn M 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 21/6/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 03 (Ba) năm 01 (Một) tháng tù, thời hạn chấp hành chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 17/6/2022 đến ngày 21/6/2022.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương L, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc về quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Phương L, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương L 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Khổng Văn V 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Phương L cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L; bị cáo Nguyễn Hải T, Khổng Văn V cho Ủy ban nhân dân xã TD, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc các bị cáo Khổng Văn M và Nguyễn Duy T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Phương L, Nguyễn Hải T và Khổng Văn V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã X, xã TD, h. L;
- Các bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, HCTP, Toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hà